**MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**a. Ma trận:**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **Tổng****điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH** |
| **Số CH** | **Số CH** | **Số CH** | **Số CH** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi** | 1.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi | 1 | 1 |  |  | 2 |  | **0.5** |
| **2** | **Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi và biện pháp phòng, trị** | 2.1. Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị | 1 | 1 |  |  | 2 |  | **0.5** |
| 2.2. Một số bệnh phổ biến ở gia cầm và biện pháp phòng, trị | 2 |  |  |  | 2 |  | **0.5** |
| 2.3. Một số bệnh phổ biến ở trâu, bò và biện pháp phòng, trị. | 1 | 1 |  |  | 2 |  | **0.5** |
| **3** | **Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 3.1. Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi | 1 | 1 |  |  | 2 |  | **0.5** |
| **4** | **Công nghệ chăn nuôi** | 4.1. Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi | 1 | 1 | 1 |  | 2 | 1 | **1.5** |
| 4.2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | 2 | 2 |  |  | 4 |  | **1.0** |
| 4.3. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP | 2 | 2 |  |  | 4 |  | **1.0** |
| 4.4. Chăn nuôi công nghệ cao | 2 | 1 |  |  | 3 |  | **0.75** |
| 4.5. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi | 1 | 1 | 1 |  | 2 | **1** | **1.5** |
| **5** | **Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi** | 5.1. Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 1 | 1 |  |  | 2 |  | **0.5** |
| 5.2. Xử lí chất thải chăn nuôi | 1 |  |  | 1 | 1 | 1 | **1.25** |
| **Tổng** | **16** | **12** | **2** | **1** | **28** | **3** | **10** |
| **YCCĐ** | **16** | **12** | **4** | **2** |  | **6** |  |
| **Tỉ lệ (%)** | **40** | **30** | **20** | **10** |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | **70** | **30** |  |  |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**MÔN HỌC; CÔNG NGHỆ 11**

**Năm học: 2023 – 2024**

| **TT** | **Chương** | **Nội dung** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biêt** | **Thông****hiểu** | **Vận****dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi** | 1.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi |  **Nhận biết:** - Trình bày được khái niệm, tác hại của bệnh trong chăn nuôi. - Nêu được vai trò của phòng trị bệnh với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình và địa phương.**Thông hiểu:** - Giải thích được ý nghĩa của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. - Kể tên được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi. | 1(TN)Câu 1 | 1(TN)Câu 2 |  |  |
| **2** | **Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi và biện pháp phòng, trị** | 2.1. Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị | **Nhận biết:** - Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia súc. - Kể tên một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi. **Thông hiểu:** - Phân tích được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia súc. - Phân biệt được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi. - Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến.  | 1(TN)Câu 3 | 1(TN)Câu 4 |  |  |
| 2.2. Một số bệnh phổ biến ở gia cầm và biện pháp phòng, trị | **Nhận biết:** - Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên gia cầm. - Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia cầm. - Kể tên một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi. **Thông hiểu:** - Phân biệt được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi. - Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến.  | 2(TN)Câu 5Câu 6 |  |  |  |
| 2.3. Một số bệnh phổ biến ở trâu, bò và biện pháp phòng, trị. | **Nhận biết:** - Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên gia súc. - Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia súc. - Kể tên một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi. **Thông hiểu:** - Phân biệt được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến trong chăn nuôi. - Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến.  | 1(TN)Câu 7 | 1(TN)Câu 8 |  |  |
| **3** | **Một số ứng dụng của CNSH trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 3.1. Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi | **Nhận biết:** - Nêu được ưu điểm của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. - Nêu được một số thành tựu của ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. **Thông hiểu:** - Phân tích được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. - Lựa chọn được biện pháp công nghệ sinh học phù hợp trong phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi.  | 1(TN)Câu 9 | 1(TN)Câu 10 |  |  |
| **4** | **Công nghệ chăn nuôi** | 4.1. Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi | **Nhận biết:** * Trình bày được những yêu cầu chung của chuồng nuôi.

- Kể tên được các biện pháp chủ yếu để vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. **Thông hiểu** - Phân tích được các yêu cầu về chuồng nuôi của một số vật nuôi phổ biến. - So sánh được các kiểu chuồng nuôi phổ biến trong chăn nuôi. **Vận dụng:**- Đề xuất được kiểu chuồng nuôi phù hợp cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. - Đề xuất được biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương. | 1(TN)Câu 11 | 1(TN)Câu 12 | 1(TL)Câu 1 |  |
| 4.2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | **Nhận biết:** - Kể tên được các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến (gà, lợn, bò,…).- Nêu được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến. - Nêu được một số yêu cầu cơ bản về chăm sóc đối với các loại vật nuôi phổ biến. **Thông hiểu** - Tóm tắt được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến (gà, lợn, bò,…). - Giải thích được ý nghĩa của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi. - Phân tích được một số yêu cầu cơ bản về thức ăn đối với các loại vật nuôi phổ biến. - Phân tích được một số yêu cầu cơ bản về chăm sóc đối với các loại vật nuôi phổ biến.  | 2(TN)Câu 13Câu 14 | 2(TN)Câu 15Câu 16 |  |  |
| 4.3. Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP | **Nhận biết:** - Nêu được khái niệm chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. - Kể tên được các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. - Nêu được nội dung các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. **Thông hiểu**: - Tóm tắt được quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. - Phân tích được nội dung các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. - Giải thích được ý nghĩa các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.  | 2(TN)Câu 17Câu 18 | 2(TN)Câu 19Câu 20 |  |  |
| 4.4. Chăn nuôi công nghệ cao | **Nhận biết:** - Nêu được khái niệm chăn nuôi công nghệ cao. - Kể tên được một số công nghệ cao được áp dụng phổ biến trong chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới. - Nêu được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi. **Thông hiểu:** - Tóm tắt được nguyên lý hoạt động của một công nghệ cao được áp dụng phổ biến trong chăn nuôi gà ở Việt Nam và trên thế giới. - Tóm tắt được nguyên lý hoạt động của một công nghệ cao được áp dụng phổ biến trong chăn nuôi lợn ở Việt Nam và trên thế giới. - Tóm tắt được nguyên lý hoạt động của một công nghệ cao được áp dụng phổ biến trong chăn nuôi bò ở Việt Nam và trên thế giới. **Vận dụng** - Đề xuất được một ứng dụng công nghệ cao phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở địa phương nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi và bảo vệ môi trường. | 2(TN)Câu 21Câu 22 | 1(TN)Câu 23 |  |  |
| 4.5. Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi | **Nhận biết:** - Nêu được khái niệm về bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. - Kể tên được một số phương pháp bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. - Nêu được ý nghĩa của việc bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. - Trình bày được ưu và nhược điểm của các phương pháp bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi phổ biến. **Thông hiểu:**- Tóm tắt được một số phương pháp phổ biến trong bảo quản sản phẩm chăn nuôi. - Tóm tắt được một số phương pháp phổ biến trong chế biến sản phẩm chăn nuôi. - Phân tích được ý nghĩa của công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm chăn nuôi. - Phân tích được ý nghĩa của công nghệ cao trong chế biến sản phẩm chăn nuôi. - So sánh được các phương pháp phổ biến trong bảo quản sản phẩm chăn nuôi. So sánh được các phương pháp phổ biến trong chế biến sản phẩm chăn nuôi. - Lựa chọn được phương pháp bảo quản phù hợp cho một số loại sản phẩm chăn nuôi phổ biến. - Lựa chọn được phương pháp chế biến phù hợp cho một số loại sản phẩm chăn nuôi phổ biến.  | 1(TN)Câu 24 | 1(TN)Câu 25 | 1(TL)Câu 2 |  |
| **5** | **Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi** | 5.1. Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | **Nhận biết:** - Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi - Liệt kê được các nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. - Nêu được tác hại của ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. - Kể tên được một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. - Nêu được ứng dụng của công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường chăn nuôi. **Thông hiểu:** - Giải thích được các nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. Phân tích được tác hại của ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. - Mô tả được một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. - Giải thích được ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường chăn nuôi.  | 1(TN)Câu 26 | 1(TN)Câu 27 |  |  |
| 5.2. Xử lí chất thải chăn nuôi | **Nhận biết:** - Nêu được nguồn phát sinh chất thải trong chăn nuôi. - Nêu được một số phương pháp xử lí chất thải rắn trong chăn nuôi. - Nêu được một số phương pháp xử lí chất thải lỏng trong chăn nuôi. - Nêu được một số phương pháp xử lí chất thải khí trong chăn nuôi. - Nêu được một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong xử lí chất thải chăn nuôi. **Thông hiểu:** - Phân tích được nguồn phát sinh chất thải trong chăn nuôi Mô tả được một số phương pháp xử lí chất thải rắn trong chăn nuôi. - Phân tích được một số phương pháp xử lí chất thải lỏng trong chăn nuôi. - Phân tích được một số phương pháp xử lí chất thải khí trong chăn nuôi. - Phân tích được vai trò của công nghệ sinh học trong xử lí chất thải chăn nuôi. **Vận dụng cao:**- Đề xuất được biện pháp xử lí chất thải chăn nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương. | 1(TN)Câu 28 |  |  | 1(TL)Câu 3 |
| **Tổng** |  | **16TN** | **12TN** | **2TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ %** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70%** | **30%** |

|  |  |
| --- | --- |
| THPT THỦY SƠN | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023 - 2024****Môn: Công nghệ - Lớp 11***Thời gian làm bài*: 45 phút *không tính thời gian phát đề* |

Họ và tên học sinh: .........................................................................

Lớp:..............

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7 ĐIỂM)** Chọn câu trả lời đúng

**Câu 1:** **Tại sao phải phòng, trị bệnh cho vật nuôi?**

A. Việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi sẽ ngăn chặn lây lan nguồn bệnh từ vật nuôi sang người, gây hại cho sức khỏe con người và mất cân bằng sinh thái

B. Việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi sẽ làm lây lan nguồn bệnh từ vật nuôi sang người, góp phần bảo vệ sức khỏe con người và môi trường sinh thái

C. Việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi sẽ làm dịch bùng phát, gây hại sức khỏe con người và môi trường sinh thái

D. Việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi sẽ giúp hạn chế dịch bùng phát, ngăn chặn lây lan nguồn bệnh từ vật nuôi sang người

**Câu 2: Phương pháp phòng bệnh hiệu quả nhất được áp dụng trong chăn nuôi là?**

(1). Tiêm vacxin phòng bệnh (2). Dùng kháng sinh để phòng bệnh

(3). Cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng (4). Cho uống nước đầy đủ

A. (1), (2), (3) B. (1), (2), ( 4) C. (2), (3), (4) D. (1), (3), (4)

**Câu 3:** **Bệnh dịch tả lợn cổ điển là:**

1. Bệnh truyền nhiễm do nấm gây ra, tác động đến lợn ở nhiều góc độ, làm mất hệ miễn dịch và lây lan nhanh ra đồng loại.

B. Bệnh truyền nhiễm do virus dịch tả lợn cổ điển có vật chất di truyền là RNA gây ra với mức độ lây lan rất cao.

C. Bệnh kí sinh do các loại vi khuẩn có hại gây ra cho lợn ở tuổi trưởng thành. Kí sinh trùng bộc phát nhanh chóng trong cơ thể và lây lan sang cơ thể của con vật khác.

D. Bệnh kí sinh do các loại vi khuẩn có hại gây ra cho lợn ở mọi độ tuổi. Kí sinh trùng bột phát nhanh chóng trong cơ thể và lây lan sang cơ thể của con vật khác.

**Câu 4:** **Đối với bệnh dịch tả lợn cổ điển thì con đường chính mà mầm bệnh xâm nhập vào vật nuôi là:**

(1) Đường tiêu hoá (2) Đường hô hấp

(3) Qua da có các vết thương trầy xước. (4) Đường sinh dục

A. (1), (2), (3) B. (1), (3), (4) C. (2), (3), (4) D. (1), (2), (4)

**Câu 5:** **Bệnh cúm gia cầm là:**

A. Một trong những bệnh truyền nhiễm cấp tính ở gia cầm và chim hoang dã

B. Một trong những bệnh truyền nhiễm ít nguy hiểm nhất ở gia cầm

C. Một trong những bệnh kí sinh trùng nguy hiểm nhất ở gia cầm

D. Một trong những bệnh kí sinh trùng ít nguy hiểm nhất ở gia cầm

**Câu 6: Đâu là biểu hiện đặc trưng nhất của bệnh Tụ huyết trùng gia cầm?**

A. Nhiễm trùng máu B. Da chân có xuất huyết đỏ

C. Tụ máu ở phổi, tim, gan, lách, thận D. Tụ máu ở mỏ, mào, cánh

**Câu 7: Bệnh nào ở lợn do *Arterivirus* thuộc họ *Arteriviridae* có vật chất di truyền là RNA gây ra?**

A. Bệnh Newcastle B. Bệnh tụ huyết trùng lợn

C. Bệnh tai xanh D. Bệnh cúm gia cầm

**Câu 8: Đặc điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là gì?**

A. Gây tụ huyết ở trong tim, khó nhận biết

B. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể

C. Gây xuất huyết ở mọi bộ phân trên cơ thể

D. Gây xuất huyết ở mắt, mũi, miệng của trâu, bò

**Câu 9: Dưới đây là những lợi ích của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi. Ý nào KHÔNG đúng?**

A. Việc sản xuất vaccine được phát triển nhanh

B. Quy trình sản xuất được công nghiệp hoá cao, cho ra hàng loạt sản phẩm đồng đều với giá thành thấp

C. Vaccine được nghiên cứu, sản xuất và sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng, không cần nhiều kiến thức chuyên môn

D. Vaccine thường có đáp ứng miễn dịch tốt hơn, hiệu quả cao hơn so với vaccine cổ điển

**Câu 10: Đâu *không* phải một ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?**

A. Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi

B. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi

C. Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi

D. Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại

**Câu 11: Câu nào sau đây không đúng về kiểu chuồng kín – hở linh hoạt?**

A. Kiểu chuồng kín – hở linh hoạt là kiểu chuồng kín không hoàn toàn.

B. Các dãy chuồng được thiết kế hở hai bên với hệ thống bạt che hoặc hệ thống cửa đóng mở linh hoạt.

C. Cuối dãy chuồng có hệ thống làm mát và quạt thông gió.

D. Khi thời tiết thuận lợi, chuồng được vận hành như chuồng kín. Khi thời tiết không thuận lợi (nắng nóng, rét..), chuồng được vận hành như chuồng hở.

**Câu 12: Vai trò của chuồng nuôi gồm:**

1. Bảo vệ môi trường
2. Giúp vật nuôi tránh được những thay đổi của thời tiết.
3. Giúp vật nuôi hạn chế tiếp xúc mầm bệnh.
4. Nâng cao năng suất chăn nuôi.

###### A. (1),(2),(3) B. (1),(3),(4) C. (1),(2),(4) D. (2),(3),(4)

**Câu 13:** **Chuồng gà đẻ nuôi lồng được thiết kế khác chuồng gà nuôi nền ở:**

A. hệ thống vệ sinh B. hệ thống lồng nuôi

C. hệ thống tản nhiệt D. hệ thống thông thông gió

**Câu 14: Hàm lượng protein trong thức ăn của gà đẻ trứng là:**

A. 12 - 15% B. 15 - 17% C. 18 - 20% D. 21 %

**Câu 15:** **Tại sao nên cho gà đẻ trứng ăn tự do bột vỏ trứng?**

A. Bổ sung Canxi. B. Bổ sung Protein

C. Bổ sung Vitamin C D. Bổ sung chất béo.

 **Câu 16:** **Lợn có khối lượng 50kg thì khối lượng thức ăn là bao nhiêu kg/ngày:**

A. 2kg B. 4kg C. 6kg D. 8kg

**Câu 17: Các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là :**

###### A. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi → Chuẩn bị con giống → Nuôi dưỡng và chăm sóc → Quản lí dịch bệnh → Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường → Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc → Kiểm tra nội bộ.

B. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi → Chuẩn bị con giống → Nuôi dưỡng và chăm sóc → Quản lí dịch bệnh → Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường → Kiểm tra nội bộ → Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc

C. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi → Chuẩn bị con giống → Nuôi dưỡng và chăm sóc → Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường → Quản lí dịch bệnh → Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc → Kiểm tra nội bộ.

D. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi → Chuẩn bị con giống → Nuôi dưỡng và chăm sóc →Quản lí dịch bệnh → Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc → Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường → Kiểm tra nội bộ.

**Câu 18: Câu nào sau đây không đúng về việc chuẩn bị con giống theo tiêu chuẩn VietGAP?**

A. Nhập con giống cần tuân thủ các quy định gồm: giấy kiểm dịch, có công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo, có quy trình chăn nuôi cho từng giống.

###### B.Giống mới không được cách li, cần nuôi cùng với giống cũ để hoà nhập ngay.

C. Giống vật nuôi được đánh dấu để quản lí.

D. Áp dụng phương thức quản lí “cùng vào – cùng ra” theo thứ tự ưu tiên: cả khu → từng dãy chuồng → từng chuồng → từng ô.

**Câu 19: Lợi ích của chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là:**

(1)  Đảm bảo vật nuôi được nuôi dưỡng để đạt được các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

(2) Đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng.

(3) Bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

(4) Đảm bảo chỉ dẫn địa lý

A. (1),(2),(3) B. (1),(2),(4) C. (1),(3),(4) D. (2),(3),(4)

**Câu 20: Theo tiêu chuẩn VietGAP, câu nào sau đây đúng về yêu cầu khi nuôi dưỡng?**

(1) Chế độ ăn nuống phù hợp

(2) Cung cấp khẩu phần ăn đầy đủ dinh dưỡng theo tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu của từng loại vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng.

(3) Nước uống được cung cấp đầy đủ và đạt tiêu chuẩn vệ sinh.

(4) Thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, sạch, an toàn, không chứa độc tố nấm mốc, vi sinh vật có hại, kháng sinh và chất cấm.

###### A. (1),(2),(3) B. (1),(2),(4) C. (2),(3),(4) D. (1),(3),(4)

**Câu 21: Chăn nuôi công nghệ cao là:**

A. Là mô hình chăn nuôi đáp ứng đủ mọi quy chuẩn của Cách mạng công nghiệp 4.0.

###### B.Là mô hình chăn nuôi ứng dụng các công nghệ, máy móc hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi và giảm nhân công lao động.

C. Là yếu tố nền tảng của xây dựng một đất nước có sự tự chủ cao, không lo ràng buộc với các nước trên thế giới.

D. Là mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, không lo ràng buộc với các nước trên thế giới.

**Câu 22: Mục đích** chăn nuôi công nghệ cao nhằm:

A. nâng cao hiệu quả, giảm thiểu tác động môi trường và giải phóng sức lao động.

B. thu gom sản phẩm nhanh, tiết kiệm công lao động

C. phát hiện bệnh sớm, dễ kiểm soát dịch bệnh

D. dễ vệ sinh chuồng trại, nâng cao năng suất chăn nuôi.

**Câu 23: Đâu là quy trình chăn nuôi gà đẻ thu trứng tự động?**

**A. Vận chuyển theo băng chuyền 🡪 Robot phân loại trứng 🡪 Diệt khuẩn, phân nhóm 🡪 Đóng hộp chuyển về kho và sử dụng.**

**B. Robot phân loại trứng 🡪 Vận chuyển theo băng chuyền 🡪 Diệt khuẩn, phân nhóm 🡪 Đóng hộp chuyển về kho và sử dụng**

C. **Vận chuyển theo băng chuyền 🡪 Diệt khuẩn, phân nhóm 🡪 Robot phân loại trứng 🡪 Đóng hộp chuyển về kho và sử dụng.**

**D. Vận chuyển theo băng chuyền 🡪 Robot phân loại trứng 🡪 Đóng hộp, diệt khuẩn, phân nhóm 🡪 Chuyển về kho và sử dụng.**

**Câu 24: Nguyên nhân tạo ra sản phẩm thịt hộp có hương vị mới là do:**

**A. Do tác động của vi sinh vật có ích lên sản phẩm trong quá trình chế biến.**

**B. Do sự biến tính các nguyên liệu trong quá trình chế biến**

**C. Do sự lên men các nguyên liệu trong quá trình chế biến**

**D. Nhiệt độ cao làm cho Protein biến tính, thay đổi tính chất vật lý của sản phẩm.**

**Câu 25: Đâu không phải là vai trò của bảo quản các sản phẩm chăn nuôi?**

1. Nâng cao hiệu quả sử dụng sản phẩm
2. Giảm chất lượng sản phẩm
3. Tăng khả năng xuất khẩu, mở rộng thị trường cho sản phẩm
4. Tăng năng lực cho ngành chế biến
5. Ổn định giá cả, đảm bảo cung ứng kịp thời cho thị trường
6. (1),(2),(3),(4) B. (1),(3),(4),(5) C. (2),(3),(4),(5) D. (1),(2),(4),(5)

**Câu 26: Mục đích của quy hoạch khu chăn nuôi và xây dựng hệ thống chuồng trại là:**

**A.** nhằm hạn chế lây lan dịch bệnh và ảnh hưởng xấu đến môi trường, sức khỏe cộng đồng; tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của vật nuôi.

B. tránh quá tải cho hệ sinh thái; giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường.

C. đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường chăn nuôi theo quy định.

D. giảm thiểu ô nhiễm do chăn nuôi; hạn chế tối đa sự phát triển của mầm bệnh; tạo được tiểu khí hậu tốt cho sức khỏe của vật nuôi.

**Câu 27: :** **Nguồn tài nguyên từ việc xử lí chất thải chăn nuôi đúng kĩ thuật giúp:**

1. Giảm chi phí mua phân bón và nhiên liệu
2. Giảm chi phí chăm sóc sức khoẻ liên quan đến các bệnh do chất thải chăn nuôi
3. Giúp phục hồi các hệ sinh thái bị hư hại và môi trường bị ô nhiễm do chất thải chăn nuôi
4. Tạo nhiên liệu cho đun nấu

A. (1),(2),(3) B. (2),(3),(4) C. (1),(3),(4) D. (1),(2),(4)

**Câu 28:** Chỉ ra đâu là biện pháp xử lí chất thải bằng công nghệ khí sinh học:

A. Chất thải chăn nuôi được ủ trong hầm kín khí, nhờ quá trình lên men kị khí sẽ phân giải các chất hữu cơ thành khí sinh học.

B. Sử dụng nhiệt độ cao trong lò đốt làm giảm kích thước khí thải cho khâu xử lý tiếp theo.

C. Dùng kỹ thuật tách khí để lọc bụi, mùi và ammonia trước khi thải ra ngoài không khí.

D. Lợi dụng hoạt động lên men của vi sinh vật để chuyển đổi các chất thải hữu cơ

**PHẦN II. TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)**

**Câu 1 *(1 điểm)*:** Em hãy giải thích câu nói*“Chớ bán gà ngày gió, chớ bán chó ngày mưa”.*

**Câu 2 *(1 điểm)*: Nêu các bước cơ bản quy trình chế biến sữa chua tại gia đình?**

**Câu 3 *(1 điểm)*:** Em hãy nêu thực trạng (ưu, nhược điểm) về vấn đề xử lý chất thải chăn nuôi ở địa phương em?

|  |  |
| --- | --- |
| THPT THỦY SƠN | **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM****ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023 - 2024****Môn: CÔNG NGHỆ 11** |

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| **Đ.A** | D | D | B | A | A | A | C | B | C | D | D | D | B | B |
| **Câu** | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| **Đ.A** | A | A | A | B | A | C | B | A | A | D | B | A | A | A |

**II. TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | **\*** Em hãy giải thích câu nói xưa của cha ông *“Chớ bán gà ngày gió” chớ bán chó ngày mưa”.* Câu nói này đề cập đến yêu cầu gì khi xây dựng chuồng trại chăn nuôi?**Trả lời:**- Câu nói này ý nói không bán gà ngày gió vì gặp gió thì gà hay chết, ngày mưa thì chó xấu mã; ý chỉ vào những ngày này không nên đem gà, đem chó đi bán vì sẽ khó bán hoặc giảm doanh thu.- Câu nói trên đề cập đến vấn đề chọn hướng chuồng trong xây dựng chuồng trại chăn nuôi ( Mở rộng: *Thường hướng nam là hướng tốt bởi vì đây là hướng đón nắng đảm bảo khô thoáng cũng như diệt quân đồng thời nó cũng giúp đàn gà tránh được gió mùa đông lạnh nếu không thể xây theo hướng nam thì hướng đông nam cũng có thể là một giải pháp thay thế. Ở Việt Nam khí hậu gió mùa nhiệt đới gió mùa sẽ thổi chủ yếu theo hướng đông đặc biệt khu vực miền Bắc có khí hậu lạnh vào mùa đông thì khi làm trường cần hết sức tránh hướng Đông)* | 0.50.5 |
| 2 | **\* Nêu các bước cơ bản quy trình chế biến sữa chua tại gia đình?****Trả lời: *Các bước làm sữa chua:***- Lấy 100 ml sữa đặc cho vào ống đong. Rót thêm 350 ml nước sôi, khuấy đều.- Để nguội đến 400C cho 1 hộp sữa chua Vinamilk, khuấy đều đổ ra cốc nhựa.- Đưa vào tủ ấm 400C hay hộp xốp, để 6 - 8 giờ để sữa đông tụ lại- Bảo quản sữa chua trong tủ lạnh và sử dụng. | 0.50.5 |
| 3 | **\*** Nêu vai trò của công nghệ khí sinh học trong xử lí chất thải chăn nuôi. Liên hệ với thực tiễn ở địa phương em?***\* Vai trò của công nghệ khí sinh học trong xử lí chất thải chăn nuôi:***- Quá trình lên men kị khí sẽ phân giải các chất hữu cơ thành khí sinh học, đồng thời tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh cho con người và vật nuôi.- Khí sinh học tạo ra sẽ được sử dụng cho nhiều mục đích khác như làm chất đốt, chạy máy phát điện,...- Chất thải sau hầm biogas có thể được sử dụng làm phân bón hoặc đưa về hồ sinh học tiếp tục xử lí và tái sử dụng.***\* Liên hệ với thực tiễn ở địa phương em:*** Em hãy nêu thực trạng (ưu, nhược điểm) về vấn đề xử lý chất thải chăn nuôi ở địa phương em?**Trả lời: *Thực trạng ( ưu, nhược điểm) về vấn đề xử lý chất thải chăn nuôi ở địa phương em:******\* Ưu điểm:***- Địa phương em đang triển khai biện pháp xử lí chất thải chăn nuôi bằng phương pháp khí sinh học (biogas) và hồ sinh học. - Thu gom rác thải đúng quy định, tái sử dụng vào làm phân bón cho cây trồng. Bước đầu phân loại rác thải ***\* Nhược điểm:***- Chưa xây dựng đồng bộ, đúng yêu cầu kỹ thuật về chuồng trại chăn nuôi - Hệ thống xử lý chất thảo còn manh mún, nhỏ lẻ và mang tính tự pháp hộ gia đình. | 0.50.50.50.5 |